

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-ST

Ngày: 17-5-2022

“V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Lê Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Trần Văn Nam

ông Lương Xuân Sớm

***- Thư ký phiên tòa:*** bà Ngô Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:*** bà Dương Thị Nhân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2021 về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-DS ngày 23/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐ-ST ngày 20/4/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Vũ Văn L; sinh năm: 1967; cư trú tại: tổ 4, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* ông Vũ Văn H; sinh năm 1962; cư trú tại: tổ 4, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Vũ Thị H; sinh năm 1957; cư trú tại: thôn Côn Sơn, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có đơn xin vắng mặt.

3.2 Bà Vũ Thị C; sinh năm 1960; cư trú tại: xóm 6, thôn N, xã M, thị xã K, tỉnh Hải Dương; có mặt.

3.3 Ông Vũ Văn T; sinh năm 1965; cư trú tại: tổ 4, khu V, phường M, thị xã T, tỉnh Quảng Ninh; có đơn xin vắng mặt.

3.4 Bà Vũ Thị X; sinh năm 1970; cư trú tại: tổ 1, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

3.5 Bà Vũ Thị L; sinh năm 1973; cư trú tại: tổ 3, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

3.6 Bà Phạm Thị H; sinh năm: 1968; cư trú tại: tổ 4, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

#### 4. Những người làm chứng:

4.1 Ông Vũ Văn N; sinh năm: 1964; cư trú tại: tổ 3, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

4.2 Ông Nguyễn Xuân Q; sinh năm: 1962; cư trú tại: số nhà 14/3, ngõ 3, tổ 2, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

4.3 Ông Nguyễn Văn H; sinh năm: 1955; cư trú tại: tổ 6, khu V, phường M, thị xã ĐVũ, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Vũ Văn L trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Vũ Văn D và cụ Hoàng Thị Đ có 07 người con gồm các ông, bà Vũ Thị H, Vũ Thị C, Vũ Văn H, Vũ Văn T, Vũ Thị X, Vũ Thị L và ông là Vũ Văn L. Bố mẹ ông không có con nuôi, con riêng. Ông bà nội, ngoại ông đều chết trước bố mẹ ông. Năm 2009, mẹ ông chết không để lại di chúc. Năm 2010, bố ông chết để lại di chúc với nội dung: di sản bố ông để lại là 365,4m<sup>2</sup> đất tại khu V, phường M, thị xã Đông Triều, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH750611 mang tên cụ D, cụ Đ. Thừa đất trên được chia thành hai phần: “mảnh thứ nhất phía Bắc giáp hộ bà Thanh chiều dài 23,7m, phía Tây giáp đường khu 6m, phía Nam giáp đất ông L và phần đất của miếng đất còn lại chiều dài 23,7m, phía Đông giáp đất ông T cắt lấy bằng phía Tây là 6m, mảnh này bán đi lấy tiền xây nhà thờ cho gia đình; mảnh thứ hai ở phía Nam là diện tích đất còn lại của thửa đất giao cho vợ chồng ông L và bà Phạm Thị H xây nhà thờ. Mọi công việc xây nhà thờ giao toàn quyền quyết định cho vợ chồng ông L, bà H”. Căn cứ vào vị trí, chiều dài, chiều rộng bố ông miêu tả thì mảnh đất thứ nhất ở phía Bắc bán đi lấy tiền xây nhà thờ có diện tích là 142m<sup>2</sup>, mảnh thứ hai ở phía Nam làm nhà thờ có diện tích là 223,4m<sup>2</sup>. Ông và các ông bà Vũ Thị H, C, T, X, L đều thống nhất thực hiện theo di chúc của cụ D là giao toàn quyền cho vợ chồng ông xây nhà thờ. Riêng ông H mặc dù đồng ý nội dung di chúc, nhưng khi thực hiện yêu cầu phải họp gia đình và được sự đồng ý của ông mới được làm. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ ông là quyền sử dụng đất trên. Ngày 08/11/2021, ông L sửa đổi yêu cầu khởi kiện: yêu cầu công nhận một phần di chúc của bố ông giao cho vợ chồng ông ½ thửa đất trên để làm nơi thờ cúng và chia thừa kế di sản của mẹ ông là ½ diện tích đất còn lại. Ngoài ra, di sản của bố mẹ ông còn có ngôi nhà cấp 4 đã xuống cấp không còn sử dụng được và 01 cây me giá trị không lớn. Ông không yêu cầu chia các tài sản này, sau này ai được giao quản lý phần đất có các tài sản thì được sở hữu. Sau khi bố mẹ ông chết, vợ chồng ông trực tiếp trông nom, quản lý di sản, nhưng

không tôn tạo gì thêm. Ông không yêu cầu thanh toán công sức trông nom, quản lý di sản. Trên thửa đất của bố mẹ ông hiện có để một số cây cảnh và cây trồng của vợ chồng ông, ông sẽ có trách nhiệm chuyển đi. Đối với phần di sản ông được hưởng từ cụ Đ ông đề nghị để vợ là bà Phạm Thị H cùng quản lý, sử dụng. Ông tự nguyện chịu án phí thay cho bà Vũ Thị X, Vũ Thị L, ông Vũ Văn T và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Để đủ diện tích đất xây nhà thờ theo nguyện vọng của bố ông, trường hợp yêu cầu khởi kiện của ông được chấp nhận, vợ chồng ông tự nguyện hiến 19,0625m<sup>2</sup> di sản được hưởng nhập vào phần đất thờ cúng.

\* Quá trình tố tụng bị đơn ông Vũ Văn H thống nhất trình bày của nguyên đơn ông Vũ Văn L về hàng thừa kế, di sản thừa kế của cụ D, cụ Đ. Ông công nhận bố ông chết có để lại di chúc và ông đồng ý thực hiện theo nội dung di chúc. Tuy nhiên, khi thực hiện vợ chồng ông L phải họp bàn với các anh em trong gia đình và được sự đồng ý của ông mới được thực hiện. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L. Nếu phải chia di sản của bố mẹ ông là quyền sử dụng 365,4m<sup>2</sup> đất thì ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với nhà cấp 4 đã xuống cấp và 01 cây me giá trị không lớn ông không yêu cầu chia, mà sau này ai được giao quản lý phần đất có các tài sản này thì được sở hữu. Ông không có công sức quản lý, tôn tạo di sản của bố mẹ ông. Ông là người cao tuổi, nên đề nghị được miễn án phí theo quy định.

\* Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên các ông, bà Vũ Thị H, Vũ Thị C, Vũ Thị X, Vũ Thị L, ông Vũ Văn T thống nhất trình bày của nguyên đơn ông Vũ Văn L về hàng thừa kế, di sản thừa kế của cụ D, cụ Đ. Các ông bà công nhận bản di chúc của cụ D và đồng ý thực hiện theo nên đã có văn bản không nhận phần di sản được hưởng từ cụ Đ mà giao cho vợ chồng ông L quản lý, sử dụng và định đoạt. Riêng ông H không đồng ý nên vợ chồng ông L không thực hiện được di chúc của cụ D. Các ông bà đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L. Đối với phần di sản là quyền sử dụng đất được hưởng của cụ Đ các ông bà giữ nguyên quan điểm không nhận mà cho vợ chồng ông L quản lý, sử dụng và định đoạt. Đối với nhà cấp 4 đã xuống cấp và 01 cây me giá trị không lớn các ông bà không yêu cầu chia, mà sau này ai được giao quản lý phần đất có các tài sản này thì được sở hữu. Các bà Vũ Thị H, C, L và X không có công sức quản lý, tôn tạo di sản. Riêng ông T có công sức quản lý di sản cùng ông L, nhưng không yêu cầu thanh toán công sức. Bà Vũ Thị H và bà C là người cao tuổi nên đề nghị được miễn án phí theo quy định.

\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H đồng ý nhận phần di sản mà các ông bà Vũ Thị H, C, L, X và T cho vợ chồng bà cũng như đồng ý cùng chồng là ông L quản lý phần đất làm nơi thờ cúng mà cụ D đã chỉ định. Sau khi cụ D, cụ Đ chết, vợ chồng ông bà là người trực tiếp quản lý, trông nom di sản, nhưng không tôn tạo gì thêm. Bà không yêu cầu thanh toán công sức quản lý di sản.

\* Những người làm chứng trình bày:

Ông Nguyễn Văn H và ông Vũ Văn N đều thừa nhận ngày 31/10/2010, các ông được bác là cụ D nhờ làm chứng khi cụ lập di chúc. Ông N là người trực tiếp viết bản di chúc theo nội dung cụ D đọc. Sau đó, cụ D trực tiếp ký và viết tên vào bản di chúc, rồi đến các ông ký. Khi ký, các ông không để ý việc cụ D đã viết tắt phần tên đệm. Nhưng các ông khẳng định bản di chúc lập ngày 31/10/2010 là di chúc của cụ D. Thời điểm lập di chúc, cụ D đang nằm điều trị tại Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển – Uông Bí, nhưng cụ hoàn toàn tỉnh táo và minh mẫn.

Ông Nguyễn Xuân Q trình bày: năm 2010, khi ông đang là công chức Tư pháp – Hộ tịch thị trấn Mạo Khê (nay là phường M), ông đã thực hiện thủ tục chứng thực bản di chúc của cụ D. Thời điểm chứng thực di chúc, cụ D mới đi điều trị ở bệnh viện về không tiện đi lại, nên ông đã báo cáo lãnh đạo ủy ban để xuống nhà cụ D xác nhận lại nội dung bản di chúc. Ông đã đọc lại toàn bộ nội dung bản di chúc cho cụ D nghe và cụ D xác nhận bản di chúc đúng là ý chí, nguyện vọng của mình. Khi đó cụ D hoàn toàn tỉnh táo và minh mẫn. Sau đó, ông Quảng mang về ủy ban trình phó chủ tịch là bà Nguyễn Thị Bích H chứng thực bản di chúc.

\* Tại biên bản xác minh ngày 07/12/2021, bà Nguyễn Thị Bích H trình bày: năm 2010, bà là Phó chủ tịch ủy ban nhân dân thị trấn Mạo Khê (nay là phường M). Ngày 02/11/2010, bà là người thực hiện chứng thực bản di chúc của cụ D. Thời điểm đó, cụ D mới đi điều trị ở bệnh viện về, đi lại khó khăn không trực tiếp đến ủy ban làm việc được, nên bà đã cử ông Nguyễn Xuân Q là công chức Tư Pháp – Hộ tịch xuống nhà cụ D để xác nhận lại nội dung bản di chúc, rồi mới thực hiện chứng thực.

\* Theo Công văn số 212/CV-TA ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Tòa án, ngày 10/12/2021 Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển Uông Bí đã cung cấp cho Tòa án bản sao hồ sơ bệnh án của cụ Vũ Văn D, thể hiện khi nhập viện, thời gian điều trị và khi ra viện cụ D đều tỉnh táo.

\* Tại Công văn số 213/CV- UBND ngày 30/11/2021 của UBND phường Yên Thọ thể hiện bố mẹ cụ Đ là cụ Hoàng Văn X chết năm 1956 và cụ Nguyễn Thị Đ chết năm 1955; Tại trích lục khai tử số 1838/TLKT-BS ngày 07/1/2021, mẹ cụ D là cụ Hoàng Thị R chết năm 1989; tại Biên bản xác minh ngày 07/12/2021, bố cụ D là cụ Vũ Văn N chết trước cụ Rúc.

\* Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp, kết quả:

Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 21/12/2021 thể hiện:

- Về đất: theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 750611 cấp ngày 16/6/2008 mang tên cụ Vũ Văn D và Hoàng Thị Đ diện tích đất là 365,4m<sup>2</sup> (đất ở); kết quả đo đạc hiện trạng diện tích đất là 384,3m<sup>2</sup> (có 18,9m<sup>2</sup> nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng nằm trong tường bao của gia đình). Các cạnh của thửa đất theo hiện trạng có sự chênh lệch so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Tại Công văn số 759/UBND ngày 24/3/2022, UBND thị xã Đông Triều có ý kiến: các cạnh của thửa đất theo hiện trạng có sự chênh lệch so với các cạnh trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do sai số đo đạc trong quá trình đo vẽ lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Về tài sản trên đất có: 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 35,9m<sup>2</sup> do vợ chồng cụ D xây dựng từ năm 1968; 01 cây me do vợ chồng cụ D trồng; phía Nam giáp đường xóm có tường bao, cổng sắt do vợ chồng ông L xây dựng từ năm 2008 trên phần đất nằm ngoài giấy chứng nhận; phía Tây giáp đường liên khu có tường do anh Huy (con bà Thạnh) xây lấn sang 0,54m. Ngoài ra, còn có một số cây như chuối, cây xanh, cây cau do vợ chồng ông L trồng và để nhờ trên đất.

Tại biên bản xác định lại hiện trạng thửa đất ngày 20/01/2022 thể hiện: 0,54m tường do anh Huy (con bà Thạnh) xây lấn sang đất của cụ D, cụ Đ đã được tháo dỡ và trả lại nguyên hiện trạng thửa đất.

Tại biên bản định giá xác định giá đất của thửa đất là: 2.000.000đ x 365,4m<sup>2</sup>

= 730.800.000đ (bảy trăm ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng); các tài sản còn lại các đương sự không đề nghị định giá.

Các đương sự đều đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, riêng ông H không đồng ý với kết quả định giá tài sản vì ông không yêu cầu chia di sản thừa kế. Các đương sự không yêu cầu giải quyết phần đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 18,9m<sup>2</sup>. Đối với cổng sắt và tường bao xây dựng trên phần đất này, vợ chồng ông L cũng không yêu cầu giải quyết.

\* Ngày 17/02/2022, Tòa án tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp hòa giải, ông Vũ Văn H giữ nguyên quan điểm không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan các ông, bà C, T, X và L đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L. Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bà Vũ Thị H vắng mặt, nhưng đã được thông báo kết quả hòa giải và giữ nguyên quan điểm đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, ông L và bà H trình bày cổng sắt, tường bao là hai vợ chồng ông bà xây dựng cho cụ D, cụ Đ sử dụng và khẳng định đây là tài sản của hai cụ. Các ông bà L, H, C, X, L, Vũ Thị H và T không yêu cầu chia các tài sản này. Bà H có quan điểm trường hợp kỷ phần thừa kế ông H được hưởng của cụ Đ không đủ điều kiện tách thừa mà giao cho vợ chồng bà quản lý, sử dụng thì bà đồng ý cùng ông L thanh toán giá trị cho ông H. ông H giữ nguyên quan điểm không đồng ý với kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá và bổ sung lý do là giá thấp, nhưng không yêu cầu định giá lại tài sản. Ngoài ra, ông L còn trình bày lý do 18,9m<sup>2</sup> đất nằm trong tường bao thửa đất của bố mẹ ông, nhưng lại nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vì thời điểm làm thủ tục cấp giấy chứng nhận, bố mẹ ông để lại diện tích đất trên, để sau này Nhà nước mở rộng đường xóm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tổng tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã cơ bản đã thực hiện quy định tại Điều 196, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa cơ bản tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cơ bản thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 78 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: áp dụng các Điều 638, 646, 648, 650, 652, 667, 670, 674, 675, 676 Bộ luật Dân sự 2005: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc công nhận một phần hiệu lực của di chúc ngày 31/10/2010 đối diện tích đất 205,5m<sup>2</sup> thuộc sở hữu chung của các ông bà Vũ Thị H, C, L, X, T, H, L để sử dụng vào việc thờ cúng; ông L, bà H được sở hữu tài sản trên đất là nhà cấp 4 và 01 cây me; tuyên vô hiệu đối với phần di chúc định đoạt tài sản là quyền sử dụng 159,9m<sup>2</sup> đất (của cụ Đ) và chia phần di sản này theo pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của các ông bà Vũ Thị H, C, L, X, T về việc tặng cho kỷ phần thừa kế của mình cho ông L, bà H; Ghi nhận sự tự nguyện của ông L, bà H về việc hiến một phần di sản thừa kế được hưởng 19,1m<sup>2</sup> đất vào di sản thờ cúng; Giao cho ông L, bà H được quản lý tổng diện tích di

sản thờ cùng là  $205,5 + 19,1 = 224,6\text{m}^2$ ; giao cho ông L, bà H được quyền sử dụng  $140,8\text{m}^2$ ; ông L, bà H có nghĩa vụ thanh toán cho ông H giá trị 01 kỷ phần thừa kế là 45.675.000 đồng.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định:*

[1] Về tố tụng:

- Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Vũ Văn L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ là quyền sử dụng đất tại khu V, phường M, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về thừa kế tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều theo khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: ông L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ là quyền sử dụng  $365,4\text{m}^2$  đất tại khu V, phường M, thị xã Đông Triều. Ngày 08/11/2021, ông L sửa đổi yêu cầu khởi kiện: yêu cầu công nhận một phần di chúc của bố ông giao cho vợ chồng ông  $\frac{1}{2}$  thửa đất trên để làm nơi thờ cúng và chia thừa kế di sản của mẹ ông là  $\frac{1}{2}$  diện tích đất còn lại. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông L không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận.

- Về sự vắng mặt của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Vũ Thị H và ông Vũ Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Hải và ông T.

- Về áp dụng pháp luật: quy định về hình thức và nội dung của di chúc theo Bộ luật Dân sự 2005 cơ bản phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định của Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết.

[2] Về nội dung:

Vợ chồng cụ Vũ Văn D và Hoàng Thị Đ có 07 người con gồm các ông bà Vũ Văn H, Vũ Thị H, Vũ Thị C, Vũ Văn T, Vũ Văn L, Vũ Thị X và Vũ Thị L. Vợ chồng cụ D không có con riêng và con nuôi. Bố mẹ cụ D là Hoàng Thị R và Vũ Văn N; bố mẹ cụ Đ là Hoàng Văn X và Nguyễn Thị Đ đều chết trước các cụ. Quá trình chung sống, vợ chồng cụ D có tài sản chung là quyền sử dụng  $365,4\text{m}^2$  đất ở tại khu V, phường M, thị xã Đông Triều theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 750611 ngày 16/6/2008, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 và 01 cây me; ngoài ra, tài sản chung của hai cụ còn có 01 cổng sắt và tường bao nằm ngoài diện tích đất trên. Năm 2009, cụ Đ chết không để lại di chúc. Năm 2010, cụ D chết để lại di chúc có nội dung:

“Thửa đất trên được chia thành hai phần: “mảnh thứ nhất: phía Bắc giáp hộ bà Thanh chiều dài 23,7m, phía Tây mặt đường khu là 6m, phía Nam giáp đất anh L là con trai tôi và phần đất của miếng đất còn lại có chiều dài 23,7m, phía Đông giáp đất ông T cắt lấy bằng phía Tây là 6m; mảnh còn lại ở phía Nam là diện tích đất còn lại, là mảnh đất tôi để xây dựng nhà thờ tổ. Tôi giao mảnh đất trên giấy chứng nhận cho

con trai út là Vũ Văn L và con dâu vợ anh L là Phạm Thị H. Do không có tiền xây nhà thờ, do vậy phải bán nhượng miếng đất phía Bắc đã ghi ở trên để hoàn thành việc xây nhà thờ tổ gia đình. Hai vợ chồng anh L, chị H thay tôi thực hiện xây nhà thờ cho gia đình. Mọi công việc xây nhà thờ tổ tôi giao toàn quyền quyết định cho con trai là anh Vũ Văn L và vợ Phạm Thị H định đoạt....”.

Xét hình thức của di chúc: di chúc của cụ D lập có hai người làm chứng là các ông Nguyễn Văn H và Vũ Văn N. Thời điểm lập di chúc, cụ D đang điều trị tại Bệnh viện Việt Nam Thủy Điện Ung Bí, nhưng những người làm chứng đều khẳng định cụ D hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt, tự nguyện lập di chúc và ký vào bản di chúc trước mặt họ. Hồ sơ bệnh án do Bệnh viện Việt Nam Thủy Điện cung cấp thể hiện quá trình điều trị tại Bệnh viện cụ D tỉnh táo, việc này phù hợp lời khai của của ông N và ông Hòa. Hơn nữa, ngày 02/11/2011 bản di chúc của cụ D còn được Ủy ban thị trấn Mạo Khê chứng thực. Trước khi chứng thực, ông Nguyễn Xuân Q là Công chức Tư pháp – Hộ tịch đã xác nhận lại nội dung di chúc với cụ D. Ngoài ra, 07 người con của cụ D đều thừa nhận di chúc lập ngày 31/10/2010 là của cụ. Như vậy, mặc dù bản di chúc không được cụ D ký từng trang và khi ký cụ D viết tắt phần tên đệm, nhưng khẳng định di chúc này là của cụ D và hợp pháp về hình thức theo quy định tại Điều 631, Điều 632 và Điều 634 Bộ luật Dân sự.

Xét nội dung của di chúc: Quyền sử dụng 365,4m<sup>2</sup> đất ở tại khu V, phường M, thị xã Đông Triều, cùng ngôi nhà cấp 04, 01 cây me, 01 cổng sắt và tường bao là tài sản chung của vợ chồng cụ D, cụ D theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Năm 2009, cụ D chết không để lại di chúc. Năm 2010, cụ D chết để lại di chúc định đoạt toàn bộ di sản là quyền sử dụng đất trên, trong đó có phần di sản của cụ D là vi phạm quy định khoản 1 Điều 28 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Do đó, di chúc chỉ có hiệu lực một phần đối với phần di sản của cụ D. Còn phần di sản của cụ D không có hiệu lực nên thuộc trường hợp thừa kế theo pháp luật quy định tại điểm b khoản 2 Điều 650 Bộ luật Dân sự. Thời điểm cụ D chết, hàng thừa kế thứ nhất của cụ gồm có cụ D và 07 người con, nên di sản của cụ D được chia thành 08 phần, mỗi kỹ phần là:  $365,4\text{m}^2/2 = 182,7\text{m}^2/8 = 22,8375\text{m}^2$  trị giá 45.675.000đ (bốn mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Như vậy, phần di sản của cụ D là  $182,7\text{m}^2 + 22,8375\text{m}^2 = 205,5375\text{m}^2$  đất. Theo di chúc cụ D có nguyện vọng dành một phần thừa đất ở phía Nam để làm nơi thờ cúng, nên xác định 205,5375m<sup>2</sup> đất di sản của cụ D là nơi thờ cúng. Các ông bà Vũ Thị H, C, X, L và T không nhận phần di sản được hưởng từ cụ D mà giao cho vợ chồng ông L quản lý, sử dụng và định đoạt, ông L đồng ý để vợ là bà H cùng quản ý, sử dụng phần di sản ông L được hưởng. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên chấp nhận. Kỹ phần là quyền sử dụng đất ông H được hưởng không đủ điều kiện tách thừa theo quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật đất đai năm 2013 và Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Do đó, giao lại kỹ phần di sản ông H được hưởng cho vợ chồng ông L, vợ chồng ông L có trách nhiệm thanh toán cho ông H giá trị 01 kỹ phần thừa kế là 45.675.000đ (bốn mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Để đủ diện tích theo nguyện vọng của cụ D làm nơi thờ cúng, ông L và bà H tự nguyện hiến 19,0625m<sup>2</sup> đất được hưởng từ di sản của cụ D nhập vào phần đất thờ cúng. Như vậy, diện tích đất dùng vào việc thờ cúng là  $205,5375\text{m}^2 + 19,0625\text{m}^2 = 224,6\text{m}^2$  và



giao cho vợ chồng ông L quản lý như cụ D đã chỉ định trong di chúc. Diện tích đất vợ chồng ông L, bà H được quản lý, sử dụng là  $(07 \text{ kỷ phần} \times 22,8375\text{m}^2) - 19,0625\text{m}^2 = 140,8\text{m}^2$ .

Đối với nhà cấp 4 đã xuống cấp, 01 cây me giá trị không lớn các đương sự không yêu cầu chia, mà có quan điểm sau này các tài sản nằm trên phần đất ai được giao quản lý thì người đó được sở hữu, nên giao cho vợ chồng ông L sở hữu là hợp lý. Đối với  $18,9\text{m}^2$  đất, 01 cổng sắt, tường bao nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các nội dung khác của bản di chúc các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Bị đơn ông H có quan điểm đồng ý thực hiện theo di chúc của cụ D, nhưng khi thực hiện phải được sự đồng ý của ông là trái với nội dung di chúc của cụ D. Hơn nữa, như phân tích ở trên di chúc của cụ D chỉ có hiệu lực một phần nên không thể thực hiện theo toàn bộ di chúc. Do đó, không chấp nhận quan điểm của ông H và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.

### [3] Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: ông H, bà Vũ Thị H, bà C là người cao tuổi theo Điều 2 Luật người cao tuổi nên thuộc đối tượng được miễn án phí theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và có đơn xin miễn án phí theo nên được chấp nhận. Ông T, bà X, bà L và ông L mỗi người phải chịu 2.283.750 đồng án phí chia di sản thừa kế. Tuy nhiên, ông L tự nguyện chịu án phí thay cho ông T, bà X, bà C và được các ông, bà này đồng ý. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên chấp nhận. Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:  $04 \times 2.283.750 \text{ đồng} = 9.135.000 \text{ đồng}$ .

Về chi phí tố tụng: Tòa án đã chi phí hợp lý cho việc xem xét, thẩm định và định giá tài sản hết số tiền 8.600.00 đồng. Ông L đã nộp tạm ứng số tiền này và có quan điểm chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, nên chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 164, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 624, Điều 625, Điều 626, Điều 627, Điều 628, Điều 632, Điều 634, khoản 4 Điều 643, Điều 645, Điều 649, điểm b khoản 2 Điều 650, điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 651, Điều 357, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 28 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn L:



Tuyên bố Di chúc lập ngày 31/10/2010 có hiệu lực một phần đối với phần di sản của cụ Vũ Văn D và không có hiệu lực đối với phần di sản của cụ Hoàng Thị Đ. Di sản của cụ Hoàng Thị Đ được chia thừa kế theo pháp luật.

Xác định quyền sử dụng 224,6m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 37 tờ bản đồ số 215 địa chỉ khu V, phường M, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 750611 do UBND huyện Đông Triều (nay là UBND thị xã Đông Triều) cấp ngày 16/6/2008 mang tên cụ Vũ Văn D và Hoàng Thị Đ, ký hiệu thửa đất là 37B (mốc giới thửa đất được giới hạn bởi các điểm A,3,7,8,A) là nơi thờ cúng và thuộc quyền sử dụng của các đồng thừa kế ông Vũ Văn L, ông Vũ Văn H, ông Vũ Văn T, bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị C, bà Vũ Thị X và bà Vũ Thị L. Giao cho ông Vũ Văn L và bà Phạm Thị H quản lý để thực hiện việc thờ cúng.

Giao cho ông Vũ Văn L và bà Phạm Thị H được quản lý, sử dụng 140,8m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 37 tờ bản đồ số 215 địa chỉ khu V, phường M, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 750611 do UBND huyện Đông Triều (nay là UBND thị xã Đông Triều) cấp ngày 16/6/2008 mang tên cụ Vũ Văn D và Hoàng Thị Đ, ký hiệu thửa đất là 37A (mốc giới thửa đất được giới hạn bởi các điểm 1,2,A,8,9,1).

Ông Vũ Văn L và bà Phạm Thị H được sở hữu tài sản trên đất là 01 nhà cấp 4 diện tích 35,9m<sup>2</sup> và 01 cây me.

(các thửa đất có sơ đồ kèm theo là bộ phận không tách rời của bản án).

Các đồng thừa kế, ông Vũ Văn L và bà Phạm Thị H có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định.

Ông Vũ Văn L và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Vũ Văn H giá trị một kỳ phần thừa kế là 45.675.000đ (bốn mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

**Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.**

[2] Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết số tiền 8.600.000đ (tám triệu sáu trăm nghìn đồng). Ông Vũ Văn L tự nguyện chịu số tiền này và đã nộp đủ.

[3] Về án phí:

Ông Vũ Văn L phải chịu 9.135.000đ (chín triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000689 ngày 26/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Trả lại ông L số tiền 8.865.000đ (tám triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Vũ Văn H, bà Vũ Thị H và bà Vũ Thị C.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị C, bà Vũ Thị L, bà Vũ Thị X và bà Phạm Thị H, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H và ông Vũ Văn T, báo cho biết có

quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Đông Triều;
- Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thu Hiền**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA  
PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thu Hiền**